TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 211/2019/HS-PT
Ngày: 27- 8- 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ.

Ông Lê Thành Tôn.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:**

Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 160/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thị Cẩm T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2019/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị Cẩm T, sinh ngày XX- 9- 1992 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Tổ XX, khóm X, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê O, sinh năm 1962 và bà Nguyễn H, sinh năm 1967; có chồng và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 19- 02- 2019, Lê Thị Cẩm T cùng với Nguyễn A, sinh ngày 14- 11- 2004 (14 tuổi 03 tháng) ngụ tổ XX, khóm X, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp; Nguyễn C, sinh ngày 24- 01- 2004 (15 tuổi 01 tháng) ngụ tổ

XX, khóm X, phường X, thành phố L; Phan H, sinh ngày 03- 9- 2005 (13 tuổi 10 tháng) ngụ tổ XX, khóm X, phường X, thành phố L; Nguyễn D, sinh ngày 24- 12- 2006 (13 tuổi 10 tháng) ngụ ấp T1, xã L1, huyện N, tỉnh Đồng Tháp cùng nhau đi nhặt phế liệu. Nguyễn C mượn xe thu mua phế liệu của ông Nguyễn Á tại vựa phế liệu Á ở phường X, thành phố L chở cả nhóm đi đến phường X, thành phố L.

Nguyễn Ai phát hiện nhà ông Lê B, sinh năm 1950 tại tổ XX, khóm X, phường X, thành phố L khóa cửa bên ngoài, nghĩ là không có người ở nhà nên A rủ cả nhóm tìm cách vào nhà lấy trộm tài sản và cả nhóm thống nhất, C đứng bên ngoài cửa trước cảnh giới, còn A, T, H, D đi cặp đường bên hông ra phía sau nhà, A phá cửa rào và cửa sổ vào nhà cùng với H, T và D ở bên ngoài hàng rào cảnh giới, khi vào được bên trong nhà, A và H phát hiện két sắt trong phòng ngủ và tìm được chìa khóa cửa nhà, H lấy chìa khóa mở cửa sau, rồi đưa chìa khóa cho D mở cửa rào. A, T, H, D lăn két sắt ra ngoài, C chạy xe đến và cùng cả nhóm khiêng lên xe chở về căn nhà không có người ở trên đường Lý K, phường X, thành phố L rồi cùng nhau dùng dụng cụ cạy, đập két sắt. Sau khi mở được két sắt phát hiện bên trong két có 13.000.000 đồng và 14 chiếc nhẫn vàng 24k có tổng trọng lượng 25 chỉ; 01 dây chuyền, 01 mặt dây chuyền, 01 chiếc lắc đeo tay tất cả đều bằng kim loại vàng 18k có tổng khối lượng 27,5 chỉ; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 sổ tiết kiệm và các giấy tờ cá nhân của ông Ba.

Lê Thị Cẩm T và Nguyễn A giữ toàn bộ tài sản và các giấy tờ, T đưa cho C 200.000 đồng từ tiền T bán phế liệu rồi C mang xe đi trả, A đưa cho D và H 100.000 đồng trong số tiền trộm để đi chơi game và chờ T và A mang vàng đi bán rồi sẽ chia nhau tiêu xài.

T và A mang các giấy tờ bỏ dưới cầu Kênh XX, đường T1, phường X, thành phố L rồi mang tiền về đưa cho Nguyễn S, sinh năm 1998 là chồng của T nhờ S giữ giùm, sau đó T lấy lại để chi tiêu trên đường đi bán vàng. T và A đến thị trấn À, huyện M, tỉnh Đồng Tháp bán cho 04 tiệm vàng cụ thể như sau:

- Bán 01 lắc đeo tay, 01 dây chuyền và 01 mặt dây chuyền tổng khối lượng 27,5 chỉ vàng 18k cho tiệm vàng T3 tại số XX, đường Nguyễn T4, thị trấn À, huyện M.

- Bán 04 nhẫn có khối lượng 08 chỉ vàng 24k cho tiệm vàng K1, tại số 47-XX, đường Nguyễn T4, thị trấn À, huyện M.

- Bán 05 nhẫn có khối lượng 07 chỉ vàng 24K cho tiệm vàng K 2 tại số XX, đường Nguyễn T4, thị trấn À, huyện M.

- Bán 04 nhẫn có khối lượng 08 chỉ vàng 24k cho tiệm vàng K3, đường Nguyễn T4, thị trấn À, huyện M. A mua lại 01 dây chuyền và 01 nhẫn vàng 18k, T mua 01 nhẫn vàng 18k, T còn giữ lại 01 nhẫn vàng 24k.

Số tiền bán vàng T và A không nhớ rõ bán được bao nhiêu tiền, các tiệm vàng mua bán nhiều trong ngày nên cũng không nhớ rõ số tiền đã mua vàng của T

và A. Khi bán vàng, T và A nói bị thua đánh bạc nên cần bán vàng lấy tiền tiêu xài.

T và A biết được hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện nên T đưa hết số tiền cho A về đầu thú lúc 03 giờ ngày 20- 02- 2019. Ái giao nộp số tiền 104.600.000 đồng. Đến ngày 28- 02- 2019 giao nộp 01 nhẫn và 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng. Trong cùng ngày 20- 02- 2019, Tú đến Công an thành phố L đầu thú về hành vi phạm tội. Ngày 27- 02- 2019, Tú giao nộp 01 nhẫn kim loại vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ có ký hiệu "Minh Trí 24k-2C-9999".

Theo kết luận định giá tài sản số 33/KL- ĐGTS ngày 07- 3- 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L kết luận: 01 nhẫn kim loại màu vàng có ghi chữ và số "Minh Trí 24k-2C-9999" có giá 7.380.000 đồng; 01 két sắt nhãn hiệu Gunn Gard model GFN-S5S, màu xám, đã qua sử dụng có giá 6.550.000 đồng; vàng nữ trang 75% (vàng 18k) có trọng lượng 27,5 chỉ có giá 75.625.000 đồng; vàng nữ trang 99,99 (vàng 24k) có trọng lượng 23 chỉ có giá 84.410.000 đồng. Tổng trị giá 173.965.000 đồng.

Ngày 19- 02- 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tổ chức truy tìm vật chứng và đã tìm được két sắt cùng các giấy tờ của ông B, đồng thời thu giữ 01 xe ba gác đạp của ông Nguyễn Á. Xét thấy ông Á không biết việc T cùng A, C, H, D sử dụng xe ba gác vào việc phạm tội nên ngày 21- 3- 2019 Công an đã trả xe lại cho ông A 1.

Ngày 07- 02- 2019 và ngày 26- 3- 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã trả lại cho ông Lê B các tài sản sau: 104.600.000 đồng; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 998147 và BĐ 602657; 01 sổ tiết kiệm số CKII 608178; 01 nhẫn kim loại màu vàng có ghi chữ và số "Minh Trí 24k-2C-9999"; 02 nhẫn kim loại màu vàng; 01 dây chuyền màu vàng; 01 két sắt nhãn hiệu Gunn Gard model GFN-S5S. Ông Lê B nhận lại các tài sản trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với Nguyễn A, Nguyễn C, Phạm H và Nguyễn D đã thực hiện hành vi lén lút lấy tài sản của ông B cùng với Lê Thị Cẩm T, nhưng A, C, H và D là người dưới 16 tuổi nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã ban hành văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân phường X, thành phố L áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với A, C. H và D là người chưa đủ tuổi xử phạt vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý.

Đối với số tiền Ađưa cho D và H là 100.000 đồng và tiền A và T chi xài trên đường đi bán vàng từ số tiền trộm mà có nhưng ông B không yêu cầu A, T, C, H và D trả lại nên không đặt ra giải quyết.

Đối với ông Nguyễn A 1 và ông Nguyễn S không biết việc cho mượn xe để phạm tội và chứa chấp tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với 04 chủ tiệm vàng đã mua vàng của A và T nhưng không biết tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có nên không xem xét xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 28- 5- 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Cẩm T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm T 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, bị cáo Lê Thị Cẩm T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Cẩm T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo theo như phán quyết của Bản án sơ thẩm. Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Lê Thị Cẩm T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về "Tội trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Mức án 04 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo T là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có cung cấp giấy liệt sĩ của ông Nguyễn S1, đơn xác nhận mối quan hệ giữa bị cáo T với ông Nguyễn S1 là cậu cháu có xác nhận của chính quyền địa phương, hiện bị cáo và mẹ của bị cáo đang thờ cúng ông S1. Ngoài ra, xét thấy gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chồng không có việc làm, bị cáo có 03 con còn nhỏ, gia đình bị cáo có sổ hộ cận nghèo, bị hại cũng đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ bổ sung của khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Thị Cẩm T, sửa phần quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt tù đối với bị cáo Lê Thị Cẩm T, giảm nhẹ cho bị cáo từ 01 tháng đến 03 tháng tù. Ngoài ra, do bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Lê Thị Cẩm T không tham gia tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS- ST ngày 28- 5- 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Tháp kết án bị cáo Lê Thị Cẩm T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Cẩm T khẳng định khi giải quyết vụ án từ Tòa án cấp sơ thẩm đến Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không yêu cầu người bào chữa, cũng như không yêu cầu Trung tâm Trợ giúp pháp lý cử người bào chữa cho bị cáo, bị cáo tự bào chữa cho hành vi của bị cáo. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất vả, bị cáo đã trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp pháp luật.

[4] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xuất trình các tình tiết khác tại Tòa án cấp phúc thẩm như tài liệu chứng nhận liệt sĩ đối với ông Nguyễn S1 và xác nhận của chính quyền địa phương về mối quan hệ giữa bị cáo và ông S1 là cậu cháu, hiện tại mẹ của bị cáo và bị cáo là người thờ cúng ông S1; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, đây là các tình tiết mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, xét thấy bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Vì vậy sửa quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt và án phí đối với bị cáo Lê Thị Cẩm T.

[5] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bị cáo T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ

luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Cẩm T.

Sửa phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 28- 5- 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Tháp về hình phạt tù và án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Thị Cẩm T.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Cẩm T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm T 4 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Thị Cẩm T. Bị cáo Lê Thị Cẩm T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy:
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS thành phố L;
- CQCSĐT Công an thành phố L;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.Tòa án Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh